TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 152**/2026/DS-ST
Ngày: 05/8/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vinh**

Hội thẩm nhân dân 1. Ông **Trần Hoàng Bảy**

2. Ông **Nguyễn Văn Sơn**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 324/2026/TLST-DS, ngày 10/6/2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 413/2026/QĐXXST-DS ngày 01/7/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 321/QĐST-DS ngày 20/7/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp H, xã A, TP Cần Thơ; Số điện thoại: 0357.657.299.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh ngày 23/09/1992; Địa chỉ: Ấp H, xã A, TP Cần Thơ; Số điện thoại: 0378.874.574 (xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

- Ông **Nguyễn Tùng L** (tên khác là Nguyễn Văn L1), sinh năm 1989
- Bà **Ngô Thị Ngọc B,** sinh năm 1988

Địa chỉ: 8, xã Trinh Phú, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

Nay là ấp 8, xã An Lạc Thôn, thành phố Cần Thơ.

(bị đơn đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nội dung vụ án được xác định như sau:

[1] Nguyên đơn Trần Thị K trình bày: Bà Trần Thị K làm chủ hụi, bà B, ông L1 là hụi viên. Bà B có tham gia của bà K 02 dây hụi, sau khi hốt hụi xong thì bà B, ông L1 không đóng hụi chết cho bà K đầy đủ, cụ thể như sau

Dây 1: Hụi 3 tháng khui 01 lần, 2.000.000 đồng, mở vào ngày 29/11/2018 âm lịch, mãn ngày 29/01/2024 âm lịch, có 22 phần, bà B, ông L1 tham gia 01 phần (để tên L1), bà B, ông L1 đóng hụi sống được 03 lần (từ lần khui thứ 01 - 29/11/2018 đến lần khui thứ 3 – 29/5/2019). Đến lần thứ 04 - 29/8/2019 thì bà B, ông Lâm H, ra lời 850.000 đồng, hốt được số tiền 26.700.000 đồng, trừ đầu thảo 1.000.000 đồng, còn lại 25.700.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong bà B, ông L1 có đóng hụi chết cho bà K được 08 lần (từ lần khui thứ 05 - tháng 11/2019 đến lần khui thứ 12 - tháng 7/2021). Từ lần khui thứ 13 - tháng 10/2021 đến lần khui thứ 22 - tháng 01/2024 (mãn hụi) bà B không đóng hụi chết cho bà K 10 lần x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng, bà K phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà B, ông L1, vì vậy bà B, ông L1 còn nợ bà K là 20.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi tháng, 1.000.000 đồng, mở vào ngày 25/3/2020 âm lịch, mãn ngày 25/3/2023 âm lịch, có 38 phần, bà B, ông L1 tham gia 01 phần (để tên.....), bà B, ông L1 đóng hụi sống được 04 lần (từ lần khui thứ 01 – 25/3/2020 đến lần khui thứ 4 – 25/5/2020). Đến lần thứ 5 – 25/6/2020 thì bà B, ông Lâm H, ra lời 400.000 đồng, hốt được số tiền 23.800.000 đồng, trừ đầu thảo 500.000 đồng, còn lại 23.300000 đồng. Sau khi hốt hụi xong bà B, ông L1 có đóng hụi chết cho bà K được 24 lần từ lần khui thứ 6 – tháng 7/2020 đến lần khui thứ 29 – tháng 6/2022. Từ lần khui thứ 30 - tháng 7/2022 đến lần khui thứ 38 - tháng 03/2023 (mãn hụi) là 9 lần x 1.000.000 đồng = 9.000.000 đồng, bà K phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà B, ông L1, vì vậy bà B, ông L1 còn nợ bà K là 9.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi bà B, ông L1 còn nợ bà K 29.000.000 đồng (dây 1: 20.000.000 đồng + dây 2: 9.000.000 đồng)

Ngoài ra bà K còn tham gia 02 dây hụi do bà B, ông L1 làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng, 500.000 đồng, mở vào ngày 20/9/2019 âm lịch, mãn ngày 20/6/2021 âm lịch, có 23 phần, bà K tham gia 01 phần (để tên H1), bà K đóng hụi sống được 20 lần (từ lần khui thứ 01 – 25/9/2019 đến lần khui thứ 20 – tháng 3/2021). Đến lần khui thứ 22 – 20/4/2021 thì bà B, ông L1 không khui hụi nữa, do bể hụi. Vì vậy bà B, ông L1 còn nợ bà K 20 lần x 500.000 đồng = 10.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi tháng, 1.000.000 đồng, mở vào ngày 10/01/2020 âm lịch, mãn ngày 10/6/2022 âm lịch, có 31 phần, bà K tham gia 01 phần (để tên H1), bà K đóng hụi sống được 16 lần (từ lần khui thứ 01 – 10/6/2020 đến lần khui thứ 16 – tháng 3/2021). Đến lần khui thứ 17 - 10/4/2021 thì bà B, ông L1 không khui hụi nữa, do bể hụi. Vì vậy bà B, ông L1 còn nợ bà K 16 lần x 500.000 đồng = 8.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi này bà B, ông L1 còn nợ lại bà K 18.000.000 đồng (dây 1: 10.000.000 đồng + dây 2: 8.000.000 đồng).

Tổng cộng bà B, ông L1 còn nợ bà K cả tiền hụi do bà K làm chủ hụi và bà B ông L1 làm chủ hụi là 47.000.000 đồng (bà K làm chủ hụi 29.000.000 đồng + bà B ông L1 làm chủ hụi 18.000.000 đồng).

Nay bà Trần Thị K yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xem xét và giải quyết: Buộc bà Ngô Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn L1 trả cho tôi số tiền hụi chết còn nợ lại là 47.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi với số tiền nêu trên.

[2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Tùng L và bà Ngô Thị Ngọc B: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông L và bà B không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến, cung cấp lời khai nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của các bị đơn.[3] Tại phiên toà, nguyên đơn không có văn bản nào thay đổi nội dung đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng, đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị K khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tùng L (tên khác Nguyễn Văn L1) và bà Ngô Thị Ngọc B trả tiền nợ hụi và tiền vay. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, HĐXX xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (BLTTDS). Bị đơn ông Nguyễn Tùng L và bà Ngô Thị Ngọc B có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị K có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Tùng L và bà Ngô Thị Ngọc B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Bà Trần Thị K làm chủ hụi, ông Nguyễn Tùng L và bà Ngô Thị Ngọc B là hụi viên tham gia 02 dây hụi do bà K làm chủ. Sau khi hốt hụi, các bị đơn không đóng đầy đủ hụi chết, cụ thể: Dây hụi 3 tháng/1 lần, mở ngày 29/11/2018 âm lịch, các bị đơn còn nợ 10 lần x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng; Dây hụi tháng, mở ngày 25/3/2020 âm lịch, các bị đơn còn nợ 09 lần x 1.000.000 đồng = 9.000.000 đồng. Ngoài ra, bà K còn tham gia 02 dây hụi do ông L, bà B làm chủ hụi: Dây hụi 500.000 đồng, bà K đã đóng 20 lần, bể hụi nên các bị đơn còn nợ 10.000.000 đồng; Dây hụi 1.000.000 đồng, bà K đã đóng 16 lần, bể hụi nên các bị đơn còn nợ 16.000.000 đồng (16 lần x

1.000.000 đồng = 16.000.000 đồng). Tổng cộng 04 dây hụi, các bị đơn còn nợ bà K 47.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ chứng minh: Các bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Đây là sự tự từ bỏ quyền chứng minh, do đó các bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 91 BLTTDS. Ngược lại thì nguyên đơn thì có cung cấp bản chính sổ hụi là "Danh sách hụi tháng 01 triệu, hụi gồm 38 người, khui ngày 25/3/2020" và "Danh sách hụi 2 triệu, 03 tháng khui, hụi gồm 22 người" và có cung cấp được danh sách hụi do bà B, ông L làm chủ hụi để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện với số tiền buộc bị đơn phải trả 47.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét thấy, hợp đồng góp hụi giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Việc các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi của hụi viên cũng như giao trả tiền hụi của chủ hụi là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K về việc buộc ông Nguyễn Tùng L và bà Ngô Thị Ngọc B trả số tiền nợ hụi 47.000.000 đồng là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về lãi suất chậm trả: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với các khoản nợ hụi. Đây là sự tự nguyện và có lợi cho bị đơn, không trái pháp luật, nên HĐXX không xem xét giải quyết, chỉ tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất khi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ, các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải thanh toán.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, phường; điểm a khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tùng L (tên khác Nguyễn Văn L1) và bà Ngô Thị Ngọc B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị K số tiền nợ hụi là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chưa thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Tùng L và bà Ngô Thị Ngọc B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là **2.350.000** đồng (Hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Trần Thị K không phải chịu án phí sơ thẩm.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND TP Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vinh